

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 187 /BC-NHNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2024

**BÁO CÁO RÀ SOÁT VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) kính trình Chính phủ Báo cáo rà soát văn bản pháp lý liên quan đến quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội như sau:

I. Hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến tổ chức hoạt động của NHCSXH

Qua rà soát, các văn bản pháp lý liên quan đến tổ chức, hoạt động của NHCSXH từ khi thành lập (năm 2002) đến nay đều thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997¹ và năm 2010², phân chia thành 2 nhóm văn bản:

1. Nhóm văn bản quy định mục tiêu thành lập, cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành, phạm vi hoạt động của NHCSXH, bao gồm:

(i) Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 4/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập NHCSXH

(ii) Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/1/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ và tổ chức hoạt động của NHCSXH

2. Nhóm văn bản quy định hoạt động tín dụng đối với người nghèo, các đối tượng chính sách vay vốn tại NHCSXH, bao gồm:

(i) Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

¹ Luật các tổ chức tín dụng năm 1997:

Khoản 3 Điều 4: Phát triển các ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục đích lợi nhuận phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

Điều 10. Chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về vốn, lãi suất, điều kiện và thời hạn vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác để có điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh.

2. Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, điều kiện và thời hạn vay tiền đối với học sinh nghèo để có điều kiện học tập.

² Luật các tổ chức tín dụng năm 2010:

Điều 17. Ngân hàng chính sách

1. Chính phủ thành lập ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước.

2. Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của ngân hàng chính sách.

3. Ngân hàng chính sách phải thực hiện kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ về các hoạt động nghiệp vụ; thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo hoạt động và hoạt động thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH, Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg

(iii) Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 1/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phân loại nợ tại NHCSXH.

(iv) Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể từng chính sách tín dụng cho các đối tượng được vay vốn tại NHCSXH

II. Rà soát các văn bản pháp lý liên quan đến tổ chức hoạt động của NHCSXH

1. Rà soát văn bản pháp lý quy định mục tiêu thành lập, cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành, phạm vi hoạt động của NHCSXH

Qua rà soát 02 văn bản pháp lý về mục tiêu thành lập, tổ chức, hoạt động của NHCSXH (*Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 4/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập NHCSXH; Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/1/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ và tổ chức hoạt động của NHCSXH*), NHNN thấy rằng:

1.1. Những vấn đề chung (mục tiêu thành lập, pháp nhân, vốn điều lệ ban đầu, thời gian hoạt động) đều được quy định tại các văn bản này như sau:

- NHCSXH hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- NHCSXH là một pháp nhân, có con dấu; có tài khoản mở tại Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng trong nước và ngoài nước; có bảng cân đối tài chính, các quỹ theo quy định của pháp luật.

- Vốn điều lệ là 5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng)

- Thời hạn hoạt động của NHCSXH là 99 năm.

1.2. Các vấn đề về tổ chức, hoạt động của NHCSXH (cơ cấu tổ chức, hội đồng quản trị, ban điều hành, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động) được quy định đồng thời tại các văn bản này như sau:

- Tại Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg: *Tổ chức và hoạt động của NHCSXH được quy định tại Quyết định này và Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*

- Tại Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg: *NHCSXH được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.*

2. Rà soát các văn bản pháp lý quy định hoạt động tín dụng đối với người nghèo, các đối tượng chính sách vay vốn tại NHCSXH

Qua rà soát các văn bản pháp lý quy định hoạt động tín dụng của NHCSXH, NHNN thấy rằng:

2.1. Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ được coi là Nghị định “khung” quy định các nguyên tắc, chuẩn mực chung của tín dụng chính sách xã hội làm cơ sở để NHCSXH triển khai cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trong giai đoạn từ khi thành lập đến nay. Tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP quy định cụ thể các đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi bao

gồm: (1). Hộ nghèo. (2). Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề. (3). Các đối tượng cần vay vốn để giải quyết việc làm theo Nghị quyết 120/HĐBT ngày 11 tháng 04 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). (4). Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. (5). Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo; thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (sau đây gọi là Chương trình 135). (6). Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, thực hiện khoản 6 Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, hiện nay 7 Bộ, ngành đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình tín dụng cho các đối tượng khác được thực hiện tại NHCSXH như: tín dụng đối với hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo³; tín dụng đối với học sinh, sinh viên⁴; tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn⁵; tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn⁶; chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020⁷; cho vay hỗ trợ tạo việc làm, mở rộng việc làm⁸; cho vay nhà ở xã hội⁹; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn¹⁰; cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở¹¹... (Hiện nay NHCSXH đang triển khai 27 chương trình tín dụng chính sách, bao gồm một số chính sách tín dụng thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội). Các quyết định này chỉ quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện vay vốn, mức cho vay, lãi suất cho từng đối tượng cụ thể, các nội dung khác (nguồn vốn, phương thức cho vay, xử lý nợ bị rủi ro...) đều được tham chiếu theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP.

2.2. Các vấn đề về nguồn vốn, cho vay của NHCSXH (đối tượng, mục đích vay vốn, loại cho vay, điều kiện vay vốn, nguyên tắc cho vay, phương thức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, mức cho vay, rủi ro tín dụng và xử lý rủi ro) được quy định đồng thời tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg.

2.3. Về trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP quy định:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của NHCSXH và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của NHCSXH.

- Các cơ quan, tổ chức được cử người tham gia Hội đồng quản trị NHCSXH, ngoài chức năng quản lý chuyên ngành thuộc thẩm quyền, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

³ Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013, Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015

⁴ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007

⁵ Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007

⁶ Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009

⁷ Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016

⁸ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015

⁹ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015

¹⁰ Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004

¹¹ Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 và số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015

+ Tham mưu cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, chính sách và giải pháp cơ bản để thực hiện tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

+ Trực tiếp chỉ đạo thực hiện các giải pháp chuyên ngành có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

+ Cử đại diện có đủ thẩm quyền tham gia Hội đồng quản trị NHCSXH.

III. Về tình hình triển khai thực hiện các văn bản pháp lý liên quan đến tổ chức, hoạt động của NHCSXH

1. Về bộ máy quản trị, điều hành của NHCSXH

1.1. Hội đồng quản trị

- Cấp Trung ương:

+ Hội đồng quản trị gồm 14 thành viên (12 thành viên kiêm nhiệm và 2 thành viên chuyên trách) gồm Thống đốc NHNN kiêm Chủ tịch HĐQT, 11 thành viên HĐQT kiêm nhiệm là đại diện lãnh đạo 07 Bộ, ngành (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, NHNN, Ủy ban Dân tộc) và 04 tổ chức chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh); 02 thành viên chuyên trách gồm: Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát.

Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg như sau:

(1). Trình Thủ tướng Chính phủ:

- Quyết định những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật các Tổ chức tín dụng¹² đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Phê duyệt Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Các cơ chế chính sách tín dụng đối với tổ chức và cá nhân thuộc diện được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Mức lãi suất cho vay ưu đãi;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực, Tổng giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và các ủy viên khác của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

(2). Xem xét trình các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền những công việc do Tổng Giám đốc trình:

- Kế hoạch tín dụng và kế hoạch tài chính hàng năm;

- Xử lý các rủi ro trong quá trình hoạt động;

¹² Khoản 1 Điều 31 Luật các Tổ chức tín dụng 1997 quy định: “1. Tổ chức tín dụng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong những điểm sau đây:

a) Tên của tổ chức tín dụng;

b) Mức vốn điều lệ, mức vốn được cấp;

c) Địa điểm đặt trụ sở chính, sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

đ) Chuyển nhượng cổ phần có ghi tên quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước;

e) Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông lớn;

g) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và thành viên Ban kiểm soát.

- Quyết toán tài sản và tài chính năm;
- Chế độ tiền lương; quy chế quản lý tài chính; chế độ chi trả phí dịch vụ ủy thác, thù lao, hoa hồng.

(3). Hội đồng quản trị trực tiếp ra quyết định:

- Ban hành các văn bản quy định về: hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
- Phê duyệt báo cáo hàng năm của Trường Ban Kiểm soát;
- Xem xét việc khởi kiện hoặc bị kiện liên quan đến Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Quyết định biên chế; cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành tại trụ sở chính; cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của chi nhánh và các tổ chức khác trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quy chế làm việc, Quy chế trả lương; Quy chế khen thưởng, kỷ luật áp dụng trong Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;
- Thông qua kế hoạch sử dụng lao động hàng năm, báo cáo hoạt động hàng quý, 6 tháng và hàng năm; báo cáo tài chính tổng hợp và quyết toán hàng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất lên các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định;
- Kiểm tra các hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp;
- Quyết định về nhân sự Ban Kiểm soát; mở, sáp nhập, chấm dứt hoạt động Sở giao dịch, Trung tâm đào tạo, các Chi nhánh và Phòng giao dịch.

(4). Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

+ Giúp việc cho Hội đồng quản trị có: (i) Ban Chuyên gia tư vấn (đại diện cấp Vụ của các Bộ, ngành là thành viên Hội đồng quản trị và một số chuyên gia do Chủ tịch HĐQT ra quyết định chấp thuận); (ii) Ban Kiểm soát (có 05 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm là đại diện của Bộ Tài chính, NHNN).

- Cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

+ Ban Đại diện Hội đồng quản trị: do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cùng cấp làm Trưởng ban; thành phần và số lượng thành viên Ban Đại diện thực hiện theo cơ cấu thành viên HĐQT nhưng không có cơ cấu Phó ban Thường trực và các thành viên chuyên trách.

+ Giúp việc cho Ban Đại diện HĐQT do Giám đốc NHCSXH cùng cấp đảm nhiệm.

Năm 2015, nhằm tăng cường năng lực quản trị hoạt động tín dụng chính sách tại cơ sở, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương bổ sung Chủ tịch UBND cấp xã tham gia thành viên Ban đại diện HĐQT cấp huyện (văn bản số 1432/VPCP-KTTH ngày 02/3/2015 của Văn phòng Chính phủ). Hiện nay, có 63 Ban Đại diện HĐQT cấp tỉnh với 804 thành viên, 703 Ban Đại diện HĐQT cấp huyện với 17.872 thành viên.

1.2. Ban điều hành

- Cấp Trung ương:

+ Tổng Giám đốc là người đứng đầu trong bộ máy điều hành của NHCSXH, chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống.

+ Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc (gồm: Văn phòng, 13 Ban chuyên môn nghiệp vụ, Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin).

- Cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương:

+ Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh là đơn vị trực thuộc Hội sở chính, đại diện pháp nhân theo ủy quyền của Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành NHCSXH trên địa bàn. Điều hành Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh là Giám đốc chi nhánh.

+ Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc và 05 Phòng chuyên môn nghiệp vụ.

- Cấp huyện:

+ Phòng giao dịch cấp huyện là đơn vị trực thuộc chi nhánh cấp tỉnh đặt tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ của NHCSXH trên địa bàn. Điều hành Phòng giao dịch cấp huyện là Giám đốc Phòng giao dịch.

+ Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc và 3 tổ trưởng tổ nghiệp vụ.

- Đến nay, mạng lưới hoạt động của NHCSXH gồm: Hội sở chính, Sở Giao dịch, Trung tâm đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin; 63 chi nhánh cấp tỉnh, 627 Phòng giao dịch cấp huyện và 1.100 Điểm giao dịch cấp xã.

2. Về nguồn vốn hoạt động

Theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP, cơ cấu nguồn vốn hoạt động của NHCSXH bao gồm 6 loại nguồn vốn:

(i) Nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước: Vốn điều lệ; Vốn cấp cho các chương trình tín dụng chính sách hội; Hàng năm, ủy ban nhân dân các cấp được trích một phần từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp mình để tăng nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn; Vốn ODA được Chính phủ giao.

(ii) Vốn huy động: Nhận tiền gửi có trả lãi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong phạm vi kế hoạch hàng năm được duyệt; nguồn 2% tiền gửi của các tổ chức tín dụng Nhà nước; Tiền gửi tự nguyện không lấy lãi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Phát hành trái phiếu NHCSXH được Chính phủ bảo lãnh; Huy động tiết kiệm của người nghèo.

(iii) Vốn đi vay: Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước; Vay Tiết kiệm Bưu điện, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Vay Ngân hàng Nhà nước.

(iv) Vốn đóng góp tự nguyện không hoàn trả của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, tín dụng và các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước.

(v) Vốn nhận ủy thác cho vay ưu đãi của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, các hội, các tổ chức phi Chính

phủ, các cá nhân trong và ngoài nước.

(vi) Các nguồn vốn khác.

Tổng nguồn vốn tín dụng chính sách đến 31/12/2023 đạt 346.278 tỷ đồng, tăng 49.262 tỷ đồng (+17%) so với năm 2022, trong đó:

- Vốn nhận từ ngân sách nhà nước: 44.390 tỷ đồng. Bao gồm: Vốn điều lệ 23.960 tỷ đồng; vốn thực hiện các chương trình 20.430 tỷ đồng.
- Vốn vay NHNN, vay và nhận ủy thác nước ngoài: 9.281 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,7%.
- Nhận tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng Nhà nước: 117.378 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33,9%.
- Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh: 77.632 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 22,4%.
- Huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trên thị trường: 44.928 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13%.
- Vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương: 39.174 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,3%.
- Nguồn vốn khác và các quỹ: 13.494 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,9%.

3. Về kết quả cho vay các chương trình tín dụng chính sách

Hiện nay, NHCSXH đang triển khai, thực hiện 27 chương trình tín dụng chính sách xã hội và một số dự án từ nguồn vốn ủy thác của địa phương. Đến 31/12/2023, tổng dư nợ tín dụng chính sách đạt 331.924 tỷ đồng, tăng 48.576 tỷ đồng (17,1%) so với năm 2022 với hơn 6,8 triệu khách hàng còn dư nợ. Dư nợ các chương trình tín dụng theo kế hoạch tăng trưởng hàng năm được TTCP giao luôn hoàn thành 100% kế hoạch, dư nợ tập trung vào một số chương trình tín dụng sau: nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; hộ mới thoát nghèo; hộ cận nghèo; hộ nghèo; giải quyết việc làm; hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; học sinh sinh viên;...

IV. Đánh giá những kết quả đạt được

- Với mô hình quản trị, điều hành của NHCSXH trong thời gian qua đã góp phần mở rộng, phát huy hiệu quả của hoạt động tín dụng chính sách xã hội, khẳng định vị trí, vai trò của NHCSXH là công cụ kinh tế hữu hiệu của Nhà nước trong việc thực hiện “sứ mệnh” cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Điều này đã được khẳng định tại Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư: *“Tín dụng chính sách xã hội do NHCSXH thực hiện là một giải pháp sáng tạo, có tính nhân văn sâu sắc và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam”, “Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội được hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới; xây dựng được phương thức cho vay ủy thác tín dụng chính sách xã hội hiệu quả, phát huy được vai trò và sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị trong công tác tín dụng chính sách xã hội, giúp đỡ, khuyến khích các đối tượng chính sách xã hội vươn lên thoát nghèo, từng bước làm giàu chính đáng.”*

- Bộ máy quản trị NHCSXH với sự tham gia của các đại diện lãnh đạo thuộc các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của NHCSXH trong thời gian qua, đồng thời huy

động được sức mạnh của hệ thống chính trị, cùng vào cuộc để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

- Hoạt động của NHCSXH thời gian qua có sự tăng trưởng về quy mô hoạt động: (i) Nguồn vốn tín dụng chính sách tăng gấp 48 lần, từ 7.022 tỷ đồng từ khi mới thành lập lên 346.278 tỷ đồng cuối năm 2023; (ii) Tổng dư nợ tín dụng chính sách tăng 46 lần, từ 7.022 tỷ đồng từ cuối năm 2002 lên 331.924 tỷ đồng cuối năm 2023; (iii) Số lượng khách hàng dư nợ tăng từ 2,7 triệu khách hàng còn dư nợ tại thời điểm cuối năm 2002 lên 6,6 triệu khách hàng vào cuối năm 2023; (iv) Dư nợ bình quân một hộ tăng từ 2,54 triệu đồng/hộ năm 2002 lên 48 triệu đồng/hộ năm 2023; (v) Số tổ Tiết kiệm và Vay vốn tăng từ 954 tổ năm 2002 lên khoảng 170 nghìn tổ năm 2023; (vi) Số lượng các chương trình tín dụng chính sách từ 3 chương trình tín dụng nhận bàn giao năm 2002 (cho vay hộ nghèo; cho vay giải quyết việc làm, cho vay học sinh, sinh viên), đến năm 2023 đã tăng lên 27 chương trình tín dụng chính sách (bao gồm một số chính sách thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2022-2023).

- Trong gần 20 năm qua, với mục tiêu 100% người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ do NHCSXH cung cấp, nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã được giải ngân đến 100% xã, phường, thị trấn trên cả nước với trên 40,8 triệu lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn, doanh số cho vay đạt 742.843 tỷ đồng. Tín dụng chính sách đã góp phần giúp trên 6,1 triệu hộ nghèo vượt qua ngưỡng nghèo, hỗ trợ kịp thời vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho gần 5,2 triệu lao động, trong đó có gần 135 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; giúp gần 3,8 triệu lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập; xây dựng hơn 15,6 triệu công trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; xây dựng gần 747 nghìn căn nhà ở cho các đối tượng chính sách.

Việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, đã góp phần quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng của Đảng và Nhà nước, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh, trật tự xã hội; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2011-2015 từ 14,2% xuống 4,25% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015); tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 9,88% (năm 2016) xuống còn 2,75% (năm 2020).

Những kết quả trên đã khẳng định hiệu quả về mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của NHCSXH, khẳng định vị trí, vai trò của tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội.

V. Về khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động của NHCSXH

1. Về căn cứ pháp lý ban hành: Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg, số 131/2002/QĐ-TTg đến nay đã hết hiệu lực, được thay thế bằng văn bản khác hoặc đang được nghiên cứu, sửa đổi (Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật các TCTD năm 1997 hết hiệu lực đã được thay thế bởi Luật các TCTD năm 2010, tiếp đó là Luật các TCTD năm 2024; Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

đang được Bộ Tài chính chủ trì nghiên cứu, sửa đổi theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 10159/VPCP-KTTH).

2. Về một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của NHCSXH có sự khác biệt với quy định tại Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg

- *Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:* Theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg, Hội đồng quản trị có 12 thành viên, gồm 09 thành viên kiêm nhiệm và 03 thành viên chuyên trách. Tuy nhiên, để tăng cường công tác quản lý Nhà nước và triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, Hội đồng quản trị NHCSXH đã trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung một số thành viên Hội đồng quản trị thuộc các Bộ, ngành, cơ quan trung ương. Do đó, hiện nay cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị NHCSXH cấp Trung ương có 14 thành viên, trong đó 12 thành viên kiêm nhiệm và 02 thành viên chuyên trách (Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát). Theo đó, quy định “cứng” 12 thành viên tại Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg không còn phù hợp với thực tiễn.

- *Vấn đề ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và chức danh Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị:* Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg quy định về chức danh Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị với trách nhiệm giải quyết các công việc phát sinh hàng ngày giữa 2 kỳ họp của Hội đồng quản trị, điều hành hoạt động của Ban chuyên gia tư vấn và thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Tuy nhiên, thực tế hiện nay không có chức danh này trong tổ chức Hội đồng quản trị NHCSXH, đồng thời Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg quy định Chủ tịch HĐQT chỉ được ủy quyền cho Phó Chủ tịch thường trực gây khó khăn trong hoạt động và chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT. Do đó, cần thiết bổ sung quy định về ủy quyền của Chủ tịch HĐQT trong trường hợp không có chức danh Phó Chủ tịch thường trực trong Hội đồng quản trị.

- *Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:* Các quy định tại Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành chưa bao phủ hết thực tế phát sinh từ hoạt động của NHCSXH như: thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan các dự án do các tổ chức quốc tế ủy thác; quy trình Ban Điều hành, Ban Kiểm soát trình Chủ tịch HĐQT; quy trình phê duyệt báo cáo của Ban Kiểm soát; thẩm quyền ban hành quy trình kiểm toán nội bộ....

- *Quy định về trách nhiệm của Ban Chuyên gia tư vấn:* Hiện nay các thành viên Hội đồng quản trị thuộc các cơ quan đều có thành viên đại diện các đơn vị chuyên môn thuộc Ban Chuyên gia tư vấn tham mưu, giúp việc. Tuy nhiên, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chuyên gia tư vấn chưa được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của NHCSXH, do đó, việc tham mưu, giúp việc cho thành viên Hội đồng quản trị chưa phát huy được hết hiệu quả, đặc biệt trong việc tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách tín dụng tại NHCSXH.

3. Về chế độ làm việc của Hội đồng quản trị:

Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg quy định: Hội đồng quản trị 3 tháng họp một lần, do Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) triệu tập và chủ trì. Phiên họp của Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số. Mọi

quyết định của Hội đồng quản trị phải được quá bán số thành viên của Hội đồng quản trị tán thành, những thành viên vắng mặt tại phiên họp phải tham gia biểu quyết bằng văn bản.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, phần lớn các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thường được thực hiện dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, không tổ chức thành phiên họp (trừ các vấn đề được xin ý kiến tại phiên họp Hội đồng quản trị NHCSXH). Mặt khác, việc quy định những thành viên vắng mặt tại phiên họp phải tham gia biểu quyết bằng văn bản dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị, do có thể xảy ra trường hợp thành viên Hội đồng quản trị vì lý do cá nhân không thể tham gia biểu quyết bằng văn bản tại thời điểm xin ý kiến.

4. Một số quy định chưa rõ ràng về thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát phát sinh trong quá trình xử lý các công việc của NHCSXH như sau:

- Quy định chưa rõ ràng về thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành ký ban hành văn bản đối với các dự án/chương trình uỷ thác cho vay như: Thẩm quyền ký quyết định điều chỉnh giảm lãi suất đối với ‘Chương trình cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa KFW’; thẩm quyền ký nhận vốn uỷ thác của các tổ chức, cá nhân cho NHCSXH để thực hiện cho vay.

- Quy định chưa rõ ràng về thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành ký ban hành văn bản liên quan đến kiểm toán nội bộ trong hệ thống NHCSXH.

- Quy định về quy trình báo cáo/xin ý kiến của Ban Điều hành đối với Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo rà soát các văn bản pháp lý về tổ chức, hoạt động của NHCSXH làm cơ sở xây dựng Nghị định về tổ chức và hoạt động của NHCSXH, NHNN xin kính báo cáo Chính phủ. /...*Qu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, VTDCNKT, TD5.(02).ĐTTrang. *lu*

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú